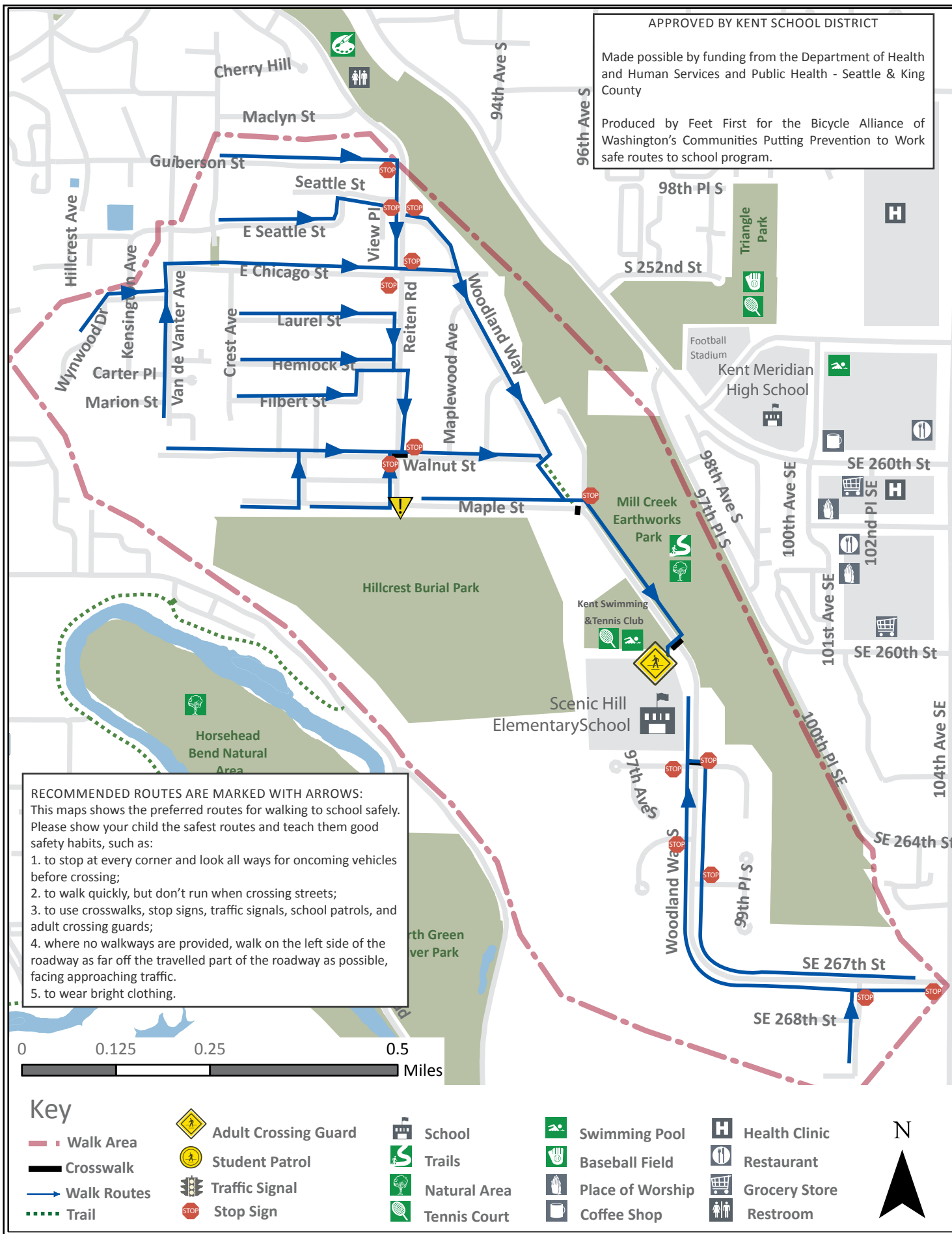


Scenic Hill Elementary - Walk to School Route Options



Key for Walk to School Route Symbols

English	Ukrainian	Somali	Spanish	Vietnamese
Library	Бібліотека	Matabad	La librería	Thư Viện
School	Школа	Dugsi	La escuela	Trường học
Health Clinic	Поліклініка	Bar Caafimaad	La clínica de salud	Trạm y tế
Community Asset	Суспільна Організація	Maalka Bulshada	Activos comunitarios	Nơi phục vụ cộng đồng
Police Station	Поліцейська Дільниця	Xarun Bolis	La estación de policía o Comisaria de policía	Bốt cảnh sát
Fire Station	Пожежна Станція	Xarun Dabdamis	La estación de bomberos	Trạm cứu hỏa
Park & Ride	Парк & Райд	Dhigo & Raac	Estacione y viaje	Bãi đậu xe
Civic Building	Державна Установа	Dhismo lagu shiro	Construcción cívica	Cơ quan công quyền
Light Rail	Легка Залізниця	Tareen yar	El tren Ligero	Xe điện
Swimming Pool	Басейн	Harada Dabaasha	La piscina	Hồ bơi
Soccer Field	Футбольне Поле	Garoonka kubadda Cagta	El campo de futbol	Sân bóng đá
Baseball Field	Бейсбольне Поле	Garoonka Kubadda Beeska	El campo de beisbol	Sân chơi bóng chày
Tennis Court	Тенісний Корт	Goobta Teeniska	Pista de tenis	Sân ten nít
Playground	Дитячий Майданчик	Garoonka Cyaarta	Patio de recreo	Sân chơi
Picnic Area	Місце для Пікніку	Barxad wax lagu duban karo	Área de picnic	Khu picnic
Golf Course	Поле для Гольфу	Goobta Golofka	Campo or cancha de golf	Sân gôn
Natural Point of Interest	Природна Точка Інтересу	Meel taariikheed	Punto de interés natural	Nơi xem phong cảnh
Crosswalk	Пішохідний Перехід	Meesha laga gudbo	Paso de peatones	Chỗ qua đường
Walk Route	Пішохідний Маршрут	Jidka socotada	Ruta para caminar	Lộ trình đến trường
School Walk Area	Шкільний Прохід	Dhabada Dugsiga	Área para caminar escolar	Khu học sinh đi bộ
Park/Open Space	Парк/Відкрита Територія	Barxad	Espacio abierto	Nơi công cộng
Trail	Стежка	Wadiiqo	Camino	Lối mòn đi bộ
Avoid Crossing Here	Не переходьте тут дороги	Ha ka gudin halkan	Evite cruzar aquí	Nơi cấm sang đường
Pedestrians Use Caution	Пішоходи будьте обережні	Taxadar lugeeyaha	Peatones use caución	Khách bộ hành nên cẩn thận
Signalized Intersection	Регульоване Перехрестя	Isgoyska Nalka	Intersección señalizada	Ngã tư có đèn hiệu
Stop Sign				
Student Patrol	Шкільний Патруль	Ilaalada Ardada	Patrulla de estudiantes or Patrulla Estudiantil	Học sinh dẫn đường
Adult Crossing Guard	Патруль пішохідного переходу	Ilaalada Ardayda gudbisa	Guardia de cruce, adulto	Người Trợ giúp sang đường

Tips for Safe Walking

English	Ukrainian	Somali	Spanish	Vietnamese
Recommended routes are marked with arrows:	Рекомендований маршрут означений стрілками:	Wadiiqada Xaafada ee loogu tala galay socodka waxaa lagu muujiyey Fallaar.	Las rutas recomendadas están marcadas con flechas:	Các lối đi bộ nên dùng được chỉ ra với mũi tên:
This map shows the preferred routes for walking to school safely. Please show your child the safest routes and teach them good safety habits, such as:	Ця карта показує рекомендовані маршрути для безпечного проходу до школи. Будь ласка, покажіть дитині безпечні маршрути та навчіть її добрим звичкам для її ж безпеки, а саме:	Wadiiqada Xaafada ee loogu tala galay socodka waxaa lagu muujiyey Fallaar. Maabkani wuxuu ku tusaya jidka ay tahay in si nabdoon lo maro Dugsiga. Fadlan u sheeg ama bar ilmaha jidka nabdoon ee ay tahay in lo maro dugsiga, sida:	Este mapa demuestra las rutas preferidas para caminar hacia la escuela sin peligro. Por favor instruya a su hijo en las rutas menos peligrosas y enséñele buenos hábitos como los siguientes:	Bản đồ này chỉ ra những lối đi bộ an toàn nên dùng để đi đến trường. Xin vui lòng chỉ dẫn con em các lối đi an toàn nhất và dạy con em tập các thói quen cẩn thận như:
1. to stop at every corner and look all ways for oncoming vehicles before crossing;	1. зупинятися на кожному розі і дивитися на всі лінії для зустрічних машин перед тим як переходити вулицю;	1. In ilmuhou istaago isgoys kasta iskana eego gawaarida inta uusan gudbin.	1. Detenerse a cada esquina y mirar a todos los lados si vienen carros antes de cruzar;	1. ngừng lại mỗi góc đường và theo dõi các xe đi lại từ mọi ngã trước khi băng sang;
2. to walk quickly, but don't run;	2. йти швидко але не бігти	2. In uu deg deg u socdo laakiin uusan ordin.	2. A caminar rápidamente, pero no correr;	2. đi nhanh nhưng không chạy;
3. to use crosswalks, stop signs, traffic signals, school patrols, and adult crossing guards;	3. використовувати пішохідні переходи, знаки зупинки, світлофори, шкільні патрулі, та патрулі пішохідного переходу;	3. In uu isticmaalo, jidka laga gudbo,	3. A usar los pasos para peatones, signos de alto, señales de tráfico, patrullas escolar y los adultos guardias de cruce;	3. tuân theo nơi được phép sang, đèn hiệu, nhân viên trợ giúp sang đường và nhân viên bảo vệ;
4. where no walkways are provided, walk on the left side of the roadway as far off the travelled part of the roadway as possible, facing approaching traffic.	4. при відсутності пішохідних доріжок, йти по лівій стороні дороги, якомога далі від проїзної частини, назустріч автомобільного руху.	4. Meesha la diidey in la maro, ku soco dhinaca bidix ee Jidka, adiga oo ka leexanaya dhanka loo socdo ee jidka intii aad awoodid ka soo horjeedka socotada.	4. A caminar en la parte izquierda mas lejos de la carretera si no hay aceras identificadas, de frente al trafico	4. tại những nơi không có vỉa hè, phải đi bộ đường bên trái, càng xa đường xe chạy càng tốt, đối diện với luồng xe.